

TỨ ĐẾ HIỆN QUÁN VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN

Trước tiên hãy xem “Tứ đế hiện quán” trong Luận Nam truyền và Luận Bắc truyền khác nhau ra sao :

ĐẠI CƯƠNG VỀ LUẬN CÂU XÁ

Hòa thượng Thích Thiện Siêu

Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế, PL. 2543 - TL. 1999

VI. PHÂN PHÂN BIỆT HIỆN THÁNH

* TIẾT III: BỐN THÁNH VỊ

MỤC 1: Dự lưu hướng và dự lưu quả

Hỏi: Sao gọi là hiện quán? Sao gọi là Thánh đế hiện quán?

Đáp: Hiện quán là chính một tâm thâm nhập kinh nghiệm đối tượng một cách trực tiếp minh bạch, thân thiết, không trừu tượng, không ngang qua sự phân biệt của ý thức, cũng không phải là lối kinh nghiệm thường nhật (thường nghiệm). Thánh đế hiện quán là hiện quán đối với lý Tứ đế. Có Tứ đế tiệm hiện quán, và Tứ đế đốn hiện quán.

Tứ đế tiệm hiện quán là trước tiên tập trung quán Khổ đế, sau mới quán Tập đế, Diệt đế, Đạo đế. Khi thấy Khổ, không thấy Tập, tuần tự tiệm thứ quán và chứng kiến đế này rồi tới đế khác, nên gọi là tiệm. Cho đến khi cả bốn đế được hiện quán trọn vẹn, tức là chứng đắc sơ quả.

Tứ đế đốn hiện quán là quán chung cả bốn đế dưới một cộng tướng "không, vô ngã", trong một niệm trí tuệ phát sinh, thấy rõ được một đế là thấy rõ tất cả bốn đế (đốn hiện quán bốn đế) và chứng đắc sơ quả. Lại nhờ đã trải qua một phen dụng công, nên khi kiến đạo, chỉ thu gọn tập trung vào quán một Diệt đế, một khi phát sinh trí như thật chứng nhập Diệt đế là chứng nhập trọn cả bốn và chứng đắc sơ quả.

Tóm lại, Tứ đế hiện đốn quán là chỉ cần thấy Diệt đế mà đắc sơ quả; còn Tứ đế tiệm hiện quán là tuần tự thấy đủ cả bốn đế mà đắc sơ quả. Tứ đế tiệm hiện quán là chủ trương của Hữu bộ, theo đây nếu chưa hiện quán Khổ đế, thì không thể hiện quán Tập đế, Diệt đế, Đạo đế. Ngược lại, Đại chúng bộ chủ trương Tứ đế đốn hiện quán. Vậy giữa hai phái có mâu thuẫn nhau không? Để giải đáp vấn đề này, phải hiểu hiện quán có ba thứ:

1. **Kiến hiện quán:** Chỉ cho vô lậu huệ duyên bốn Thánh đế, hiểu đúng như thật và rõ ràng.
2. **Duyên hiện quán:** Đây là cảnh bốn Thánh đế vô lậu mà huệ cùng với tâm, tâm sở pháp tương ứng với huệ đồng thời duyên đến.

3. **Sự hiện quán**: Chỉ các tâm tâm sở tương ứng nói trên, cùng với các pháp câu hữu khác (đạo cộng giới, bốn tướng sanh, trụ, dị, diệt, là câu hữu nhân của huệ, nên gọi là câu hữu).

Đồng một sự nghiệp hiện quán Tứ đế, các học giả Hữu bộ nhằm vào **kiến hiện quán và duyên hiện quán**, nên chấp trước **Tứ đế tiệm hiện quán**; **học giả Đại chúng bộ** nhằm vào **sự hiện quán**, nên chủ trương **Tứ đế đốn hiện quán**. Hai phái chẳng có gì mâu thuẫn nhau cả.

(Hết trích).

Trên đây là giải thích của HT.Thích Thiện Siêu về “Tứ đế hiện quán”, tui không đánh giá đúng sai, mà chỉ nêu ra nhằm mục đích nói lên “Đại chúng bộ” khác “Hữu bộ”.

“Đại chúng bộ” cũng đúng vì có kinh Nikaya :

Tương Ứng Bộ - Samyutta Nikaya
Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt

Tập V - Thiên Đại Phẩm

[56] Chương XII

Tương Ứng Sự Thật (a)

III. Phẩm Kotigàma

30.X. Gavampati (S.v,436)

1) Một thời, một số đông Tỷ-kheo **trú ở giữa dân chúng Ceti** tại Sahancanika.

2) Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo Thượng tọa sau bữa ăn, sau khi đi khát thực trở về, đang ngồi tụ họp trong ngôi nhà tròn, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Này chư Hiền, ai thấy Khổ, người ấy thấy Khổ tập, thấy Khổ diệt, thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt".

3) Được nghe nói vậy, **Tôn giả Govampati** nói với các Tỷ-kheo Thượng tọa:

-- "**Tôi có tự thân nghe từ Thế Tôn**, thưa chư Hiền, **tự thân lãnh thọ như sau**:

4) "Này các Tỷ-kheo, **ai thấy Khổ, người ấy cũng thấy Khổ tập, cũng thấy Khổ diệt, cũng thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt. Ai thấy Khổ tập, người ấy cũng thấy Khổ, cũng thấy Khổ diệt, cũng thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt. Ai thấy Khổ diệt, người ấy cũng thấy Khổ, cũng thấy Khổ tập, cũng thấy Con Đường đưa**

đến Khổ diệt. **Ai thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt**, người ấy cũng thấy Khổ, cũng thấy Khổ tập, cũng thấy Khổ diệt".

(Hết trích).

“**Gavampati**” được tìm thấy trong kinh :

Tiểu Bộ - Khuddhaka Nikaya

Tập III - Trưởng Lão Tăng Kệ

Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt

Chương I - Một Kệ

Phẩm Bốn

(XXXVIII) Gavampati (Thera. 6)

Ngài được sanh trong thời đức Phật hiện tại, ngài là một trong bốn người bạn của *Yasa* (Da-xá). Khi họ nghe *Yasa* xuất gia, tất cả đều xuất gia và **chứng quả A-la-hán. Rồi ngài sống ở rừng Anjana tại Sàkela**, và hưởng lạc giải thoát. Khi bấy giờ, Thế Tôn đến với một số đông Tỷ-kheo tại *Anjana*. Chỗ ngủ không đầy đủ và một số Tỷ-kheo ngủ xung quanh tinh xá, trên bãi cát sông *Sarabhà*. Nửa đêm, nước sông dâng lên và các Tỷ-kheo trẻ la lớn. Thế Tôn nghe vậy, bảo *Gavampati* can thiệp, ngăn sông không cho dâng cao, khiến các Tỷ-kheo yên tâm. Vị Trưởng lão với thần túc thông của mình, làm theo lời Phật dạy, dùng dòng sông lại từ xa, khiến dòng sông dựng đứng lại như ngọn núi, do vậy ngài được mọi người biết là có thần thông. Một ngày kia, Thế Tôn đang thuyết pháp giữa một số đông người, thấy *Gavampati* vì lòng từ bi nghĩ đến đời, đức Phật tán thán các hạnh của *Gavampati* với bài kệ:

*38. Ai với thần túc thông,
Dựng đứng Sarabhū,
Chính Gavampati,
Không y lại, không động,
Vượt qua mọi trói buộc,
Chư Thiên đều đánh lễ,
Bậc Đại sĩ Mâu-ni
Đã vượt qua sanh hữu.*

Chương VI

Phẩm Sáu Kệ

(CCXII) *Mahà-Nàga* (Thera. 43)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh tại *Sàketa*, con trai một Bà-la-môn tên *Madhu Vàssetha* và được đặt tên là *Mahà-Nàga*. Ngài thấy thần thông do Trưởng lão *Gavampati* thực hiện trong khi Thế Tôn sống trong rừng *Anjana*, và khởi lòng tin, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của vị Trưởng lão, và chứng quả **A-la-hán** nhờ vị này giáo huấn.

.....

(Hết trích).

“**Gavampati**” là 1 trong 4 Người bạn của Yasa được thấy trong “**Luật tạng**”:

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

Đức Phật Lịch Sử (The Historical Buddha)

H.W. Schumann (1982) - Nguyên Tâm Trần Phương Lan dịch Việt (1997)

Chương II

528 trước CN

Thành lập Giáo Hội và khởi đầu Hoàng Pháp

PHÁT TRIỂN GIÁO HỘI

Việc tôn giả Yasa xuất gia đầu Phật đã gây nhiều tiếng vang lớn. Sự kiện một giáo lý hướng nội thúc giục một chàng thanh niên chán hưởng thụ rời bỏ đời sống đầy lạc thú để trở thành một Sa-môn khát sĩ là bằng cứ hùng hồn cho thân hữu chàng thấy giáo lý này hẳn phải phi thường xuất chúng, **khiến thêm bốn người trong đám ấy cũng làm theo chàng**: Vimala, Subàhu, Punnaji và **Gavampati**, tất cả cũng như tôn giả Yasa, đều là nam tử của các thương nhân thuộc giai cấp Vệ-xá, đã được nhận làm Tỳ-kheo theo lời tiến cử của tôn giả, và **sau đó đều trở thành A-la-hán (Mv1.9)**

(Hết trích).

Trong tài liệu tiếng Anh cũng cho biết “**Gavampati**” có tư liệu như trên và thêm tư liệu khác mà tui chưa tìm ra!

Gavampati (Sutta)

1. Gavampati Thera.-An arahant. He was a son of a setthi in [Benares](#), and one of the four lay companions of the Thera [Yasa](#), who, when they heard of Yasa's renunciation, imitated him and won arahant-ship. Later, Gavampati

lived in the [Añjanavana](#) at Sāketa. One day, when the [Buddha](#) visited the Añjanavana, some of the monks accompanying him slept on the sandbanks of the [Sarabhū](#). The river rose in the night and there was great dismay. The Buddha sent Gavampati to stem the flood, which he did by his iddhi-power. The water stopped afar off, looking like a mountain peak.

In the time of [Sikhī](#) Buddha he was a huntsman and seeing the Buddha offered him flowers. Later he built a parasol and a railing for the thūpa of [Konāgamana](#). In the time of [Kassapa](#) Buddha he was a rich house holder possessed of many cattle. One day he saw an arahant eating his meal in the sun for lack of shade, and built for him a shelter and planted in front of it a sirīsa-tree. As a result he was born in the [Cātummahārājika](#) world, and his palace was known as [Serissaka](#). (Vin.i.18f.; Thag.v.38; ThagA.i.103f; VvA.331f; DA.iii.814 gives a slightly different version of the origin of the Serissaka-vimāna).

Gavampati was the teacher of [Mahānāga](#), son of [Madhu-Vāsettha](#) (**ThagA.i.443**). It is said that the Serissaka-vimāna, occupied by Gavampati, remained in the Cātummahārājika world even after he had left it. (D.ii.356f; DA.iii.814 says he went there because he found the "climate" (utu) more agreeable. SNA.i.347 says it was because he, like [Pindola-bhāradvāja](#), loved his old haunts).

There Gavampati often spent his siesta and held conversations with [Pāyāsi](#), who sent through him a message to the inhabitants of the earth, that they should profit by the example of him (Pāyāsi) and discriminate in the bestowal of their gifts.

The Dulvā mentions (Rockhill, p.149f) that after the Buddha's death, when Mahā Kassapa wished to hold a Convocation of the chief monks, [Punna](#) was sent as a special messenger to summon **Gavampati**, who was then in the Serissaka-vimāna. But Gavampati did not attend, his death being imminent. Instead he sent his bowl and three robes as a gift to the Sangha.

Immediately afterwards he died, and Punna carried out his funeral rites.

Gavampati is evidently identical with Girinelapūjaka of the Apadāna (ii.457).

See also Gavampati Sutta below.

(Hết trích).

Nguồn trích dẫn :

http://www.palikanon.com/english/pali_names/g/gavampati.htm

Bàn thêm về Gavampati :

Chúng ta biết A La Hán có Định Tứ Thiên chưa chắc có “Thần Thông” , vậy “Thần thông” của Gavampati có mâu thuẫn gì không? Nếu có, có phải do kinh luật sai? Hay do vấn đề gì khác?

Bài kinh “S.v,436” và đoạn trích trong “Mv 1.9” là cho biết Gavampati có chứng Quả A La Hán. Bài kinh “Thera.6” và “Thera.43” cho biết Gavampati có “Thần thông”. **Tất cả các dữ liệu là “Hợp lý”.**

Đọc “Luật” chúng ta sẽ biết lúc đó Gavampati chứng Quả A La Hán chỉ có 2 bài kinh là “Chuyển pháp luân” và “Vô ngã tướng” thì lúc đó Gavampati chưa có “Thần thông”. Sau đó, A La Hán Gavampati mới tu tập “Thần Thông” vì đã là A La Hán rồi!

Bài kinh “Thera.6” cho biết là lúc “Khi bấy giờ, Thế Tôn đến với một số đông Tỷ-kheo tại *Anjana*” là thời gian sau khi Gavampati chứng Quả A La Hán. **Lúc Gavampati chứng Quả A La Hán chỉ có 11 Tỷ kheo tính luôn cả Đức Thế Tôn.** Bài kinh “Thera.6” được ghi lại và xảy ra thời gian sau này, không phải là lúc Gavampati chứng quả ALa Hán.

Giai đoạn đầu của sự phát triển Phật giáo thì bài kinh “Đại niệm xứ” chưa được Phật nói!

Sự chứng Quả A La Hán lúc đầu chủ yếu là do bài kinh “Chuyển pháp luân” và kinh “Vô ngã tướng”. Kinh Tăng Chi Bộ cho biết :

Tăng Chi Bộ - Anguttara Nikaya
Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt

Chương IV - Bốn Pháp

XIX. Phẩm Chiến Sĩ

(I) (181) Người Chiến Sĩ

1.- Thành tựu bốn chi phần này, này các Tỷ-kheo, một chiến sĩ xứng đáng để cho vua sử dụng, thuộc sở hữu của vua, là biểu tượng của vua. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chiến sĩ thiện xảo về xạ trình, là người bắn xa, bắn như chớp nhoáng, và đâm thủng được vật lớn.

Thành tựu bốn chi phần này, này các Tỷ-kheo, một chiến sĩ xứng đáng để cho vua sử dụng, thuộc sở hữu của vua, là biểu tượng của vua.

2. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu bốn pháp này, Tỷ-kheo đáng được cung kính, xứng đáng được tôn trọng, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thiện xảo về xạ trình, là người bắn xa, bắn như chớp nhoáng, và đâm thủng được vật lớn.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thiện xảo về xạ trình?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo là người có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, có uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ, chấp nhận và học tập các học pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thiện xảo về xạ trình.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bắn xa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phạm sắc gì thuộc về quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả sắc, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

Phàm có cảm thọ gì thuộc về quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả cảm thọ, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

Phàm có tướng gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả tướng, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

Phàm có các hành gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các hành, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

Phàm có thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các thức, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bắn như chớp nhoáng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật quán tri: "Đây là khổ", như thật quán tri: "Đây là khổ tập"; như thật quán tri: "Đây là khổ diệt", như thật quán tri "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo bắn như chớp nhoáng.

6. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo đâm thủng vật to lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo đâm thủng vô minh uẩn to lớn**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đâm thủng vật to lớn.

Đầy đủ bốn chi phần này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xứng đáng được cung kính, xứng đáng được tôn trọng, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

XX. Đại Phẩm

(VI) (196) Sàlha

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli (Tỳ-xá-ly) tại Đại Lâm, trong ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Licchavi Sàlha và Licchavi Abhaya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Licchavi Sàlha bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có những Sa-môn, Bà-la-môn trình bày sự vượt qua dòng nước mạnh với hai pháp môn: nhân giới thanh tịnh và nhân khổ hạnh nhằm chán. Ở đây, bạch Thế Tôn, Thế Tôn có nói gì?

.....

7. Ví như, này Sàlha, một chiến sĩ đầu nó biết được nhiều cung thuật, nhưng về ba phương diện nó xứng đáng là của vua, thuộc sở hữu của vua, đi đến làm biểu tượng của vua. Thế nào là ba?

Bắn xa, bắn nhanh như chớp nhoáng, và bắn thủng được vật lớn.

8. Ví như, này Sàlha, người chiến sĩ bắn xa, cũng vậy, này Sàlha, là Thánh đệ tử có chánh định; phạm có sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, **cần phải như thật thấy với trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi"**. Phạm có thọ gì ... phạm có tướng gì ... phạm có hành gì ... phạm có thức gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, cần phải như thật thấy với trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi".

9. Ví như, này Sàlha, người chiến sĩ bắn như chớp nhoáng; cũng vậy, này Sàlha là **vị Thánh đệ tử có chánh tri kiến**. Vị Thánh đệ tử này Sàlha, có chánh tri kiến **như thật quán tri: "Đây là khổ ... Đây là khổ tập..., Đây là khổ diệt..., Đây là con đường đưa đến khổ diệt"**.

10. Ví như, này Sàlha, **người chiến sĩ đâm thủng được thân hình lớn**. Cũng vậy, này Sàlha là vị Thánh đệ tử có chánh giải thoát. Vị Thánh đệ tử này Sàlha, **có chánh giải thoát đâm thủng được vô minh uẩn to lớn**.

(VIII) (198) Tự Hành Hạ Mình

1.- Nay các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn?

.....

14. Vị ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái này, các pháp làm tâm cấu uế, làm trí tuệ trở thành yếu ớt, vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Vị ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tinh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Vị ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, **chứng và an trú Thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

15. **Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, tinh khiết, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ"; biết như thật: "Đây là khổ tập"; biết như thật: "Đây là khổ diệt"; biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"; biết như thật: "Đây là những lậu hoặc"; biết như thật: "Đây là nguyên nhân của những lậu hoặc"; biết như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc"; biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc". Nhờ biết như vậy, thấy như vậy, tâm vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". **Vị ấy quán tri: "Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có trở lui trạng thái này nữa".****

16. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, là hạng người vừa không hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người. Vị ấy không tự hành khổ mình, không hành khổ người, trong hiện tại sống không tham ái, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm thấy lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

(Hết trích).

Bài kinh "(181)" cho biết chúng Quả A La Hán là chủ yếu theo kinh "Chuyển pháp luân" và "Vô ngã tướng".

Bài kinh "(198)" cho biết chúng Quả A La Hán chủ yếu theo kinh "Chuyển pháp luân".

Bài kinh “(181)” : đoạn “Tỷ kheo bán xa” có **trường hợp không cần định sắc giới**, đó là “Tu Đà Hoàn do nghe pháp” và tu theo 1 phần của bài kinh trung bộ 140 , đoạn giống đoạn “Tỷ kheo bán xa” trong kinh “(181)”.

Như vậy kinh Nikaya cho biết có Quả A La Hán là “Bậc Càn tuệ” .

Trong bài kinh “Đại niệm xứ” có nói đến khoản thời gian **“Từ 7 năm đến 7 ngày”** là chứng quả A La Hán hoặc Bất lai : chi tiết này chỉ tham khảo.

1 số tác giả theo “Phật giáo Nam truyền” quá chú ý đến chi tiết này mà giải thích “Cứng nhắc” theo khoản thời gian này. Trong kinh “Phật nói như vậy” cũng nói đến chứng Chánh trí hoặc Bất lai mà không có nói đến khoản thời gian

Tiểu Bộ - Khuddhaka Nikaya
Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt
Kinh Phật Thuyết Như Vậy (Như Thị Ngữ)
Itivuttaka
Chương 1-2

Chương Hai - Hai Pháp

Phẩm II

(XLV) (Duk. II, 8) (It 39)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, hãy sống ưa muốn ẩn dật thiền định, thích thú ẩn dật thiền định, chuyên chú nội tâm tịnh chỉ, không gián đoạn thiền tịnh, thành tựu quán trí, hành tri hạnh đi đến các ngôi nhà trống. Này các Tỷ-kheo sống ưa muốn ẩn dật thiền định, thích thú ẩn dật thiền tịnh, chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ, không gián đoạn thiền tịnh, thành tựu quán trí, hành tri hạnh đi đến các ngôi nhà trống, **thời được chờ đợi là một trong hai quả này: ngay trong hiện tại được chánh trí, hay nếu có dư y, được quả Bất Lai.**

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Những ai tâm an tịnh,
Thông minh và thận trọng,
Chánh niệm tu thiền định,
Quán nhìn pháp chơn chánh,
Không chờ đợi ham muốn,
Đối với các loại dục,
Ưa muốn không phóng dật,
Sống an tịnh có mặt,*

*Thấy được sự sợ hãi,
Trong nếp sống phóng dật,
Họ không bị thối đọa,
Họ đến gần Niết bàn.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(Hết trích).

Tương Ưng Bộ - Samyutta Nikaya
Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt

Tập V - Thiên Đại Phẩm

[47] Chương III

Tương Ưng Niệm Xứ (b)

IV. Phẩm Chưa Từng Được Nghe

36. VI. Chánh Trí (S.v,181)

1-2) Tại Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Nay các Tỷ-kheo, đây là bốn niệm xứ.

4) Do tu tập, làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là một trong hai quả: Ngay trong hiện tại, chứng được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn.

(Hết trích).

Bài kinh “Đại niệm xứ” là cách chứng Quả Bất lai và A La Hán , được Phật nói vào những năm sau của giai đoạn hoằng pháp, không phải trong 2 năm đầu của thời kỳ hoằng pháp.

Đại Niệm Xứ

Thiền sư U Silananda

Tỳ kheo Khánh Hỷ dịch Việt

[05]

Bảo Đảm Thành Đạo

Trong phần đầu kinh này đã nói rằng kinh này được thuyết ra ở xứ Kuru cho dân Kuru thực hành.

Nhưng điều này không có nghĩa là Đức Phật chỉ dạy kinh Tứ Niệm Xứ cho riêng dân Kuru. **Trong suốt bốn mươi lăm năm giảng dạy**, Đức Phật đã giảng dạy phương pháp chánh niệm tại nhiều nơi trong nhiều trường hợp khác nhau. **Trong Tương Ưng Bộ Kinh (Samyutta Nikaya) có chương nói về thiền Tứ Niệm Xứ. Trong đó có một trăm lẻ bốn kinh phần nhiều là những kinh ngắn được giảng dạy tại nhiều nơi khác nhau. Chỉ riêng ở xứ Kuru Đức Phật dạy kinh Tứ Niệm Xứ với nhiều chi tiết hơn.**

(Hết trích).

Trong chương III “Tương ưng niệm xứ” có bài kinh :

Tương Ưng Bộ - Samyutta Nikaya
Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt
Tập V - Thiên Đại Phẩm
[47] Chương III

Tương Ưng Niệm Xứ (a)

18. VIII. Phạm Thiên (Tập 44,12, Đại 2,322a; 24.3,171a; 410b; 494a) (S.v,167)

1) Một thời Thế Tôn trú ở Uruvelà, trên bờ sông Neranjarà, tại cây bàng ajapàla, **sau khi mới giác ngộ.**

2) Trong khi Thế Tôn độc cư Thiền tịnh, **tâm niệm tư tưởng như sau được khởi lên:** "Đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sàu bi, chấm dứt khổ đau, chứng đạt chánh lý (nàya), chứng ngộ Niết-bàn. **Tức là bốn niệm xứ**". Thế nào là bốn?

3) -- Nay Tỷ-kheo, hãy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ở đời. Đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sàu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn. **Tức là bốn niệm xứ.**

4) **Rồi Phạm thiên Sahampati với tâm của mình biết được tâm ý Thế Tôn**, ví như nhà lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, vị ấy biến mất ở Phạm thiên giới, hiện ra trước mặt Thế Tôn. Rồi Phạm thiên Sahampati đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

5) -- Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn. Tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Tỷ-kheo trú, quán thọ trên các cảm thọ... Tỷ-kheo trú, quán tâm trên tâm... Tỷ-kheo trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Bạch Thế Tôn, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn. Tức là bốn niệm xứ.

6) Phạm thiên Sahampati thuyết như vậy. Nói như vậy xong, **Phạm thiên Sahampati lại nói thêm:**

*Thấy con đường độc nhất,
Đưa đến đoạn tận sanh,
Bậc lân mẫn chúng sanh,
Biết được con đường ấy,
Chính với con đường này,
Trước đã từng vượt qua,
Tương lai sẽ vượt qua,
Nay vượt khỏi bực lưu.*

(Hết trích).

Bài kinh “S.v,167” chỉ cho biết trong Tâm Đức Thế Tôn có nghĩ đến “Tứ niệm xứ” chứ chưa nói cho các Tỷ kheo biết!

Các bài kinh “Tứ niệm xứ” trong kinh Tương ưng bộ không được nói ra ở giai đoạn từ sau khi Thái Tử Sĩ Đạt Đa thành Phật đến hết mùa an cư lần thứ 1.

Xem “Đức Phật lịch sử” của **H.W. Schumann (1982)** từ giai đoạn Thành Phật đến giai đoạn hết mùa an cư đầu tiên : sẽ rõ.

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

Đức Phật Lịch Sử (The Historical Buddha)

H.W. Schumann (1982) - Nguyên Tâm Trần Phương Lan dịch Việt (1997)

Chương II

528 trước CN

Thành lập Giáo Hội và khởi đầu Hoàng Pháp

(Hết trích).

Có tác giả theo Phật giáo Nam truyền sống tại Việt Nam nói “Tứ niệm xứ” được Phật nói giữa 2 bài kinh “Chuyển pháp luân” và bài kinh “Vô ngã tướng”. Theo tui có lẽ vì bài kinh “S.v,167” và “S.v,185”.

Tương Ưng Bộ - Samyutta Nikaya
Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt

Tập V - Thiên Đại Phẩm
[47] Chương III

Tương Ưng Niệm Xứ (b)

V. Phẩm Bất Tử

43. III. Con Đường (S.v,185)

1) **Tại Sàvatthi...**

2) **Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:**

-- Một thời, này các Tỷ-kheo, Ta trú ở Uruvelà, trên bờ sông Neranjarà, dưới cây bàng Ajapàla, **khi vừa mới được giác ngộ.**

3) Này các Tỷ-kheo, trong khi độc cư Thiên tịnh, tâm niệm, tư tưởng như sau khởi lên nơi Ta:.....

.....

6) Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati thuyết như vậy, nói vậy xong, lại nói thêm như sau:

.....

(Hết trích).

Bài kinh “S.v,185” có nội dung gần giống bài kinh “S.v,167”, chỉ có khác là nơi chốn nói bài kinh “S.v,185” là Sàvatthi, đối tượng là các Tỷ kheo.

Từ nơi chốn Sàvatthi , chúng ta biết được bài kinh “S.v,185” là Phật không nói ở “giai đoạn từ khi Thành Đạo đến hết sau mùa an cư lần 1”.

“Tứ niệm xứ” còn được thấy trong kinh :

Trường Bộ Kinh
Digha Nikaya

16. Kinh Đại Bát-Niết-Bàn (Mahàparinibbàna sutta)

Tụng phẩm I

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Ràjagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakùta (Linh Thú). Lúc bấy giờ, Ajàtasattu Vedehiputta (A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi), vua nước Magadha (Ma-kiệt-đà), muốn chinh phục dân Vajjì (Bạc-kỳ).

15.

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nalanda. Tại đây, Thế Tôn ở Pavarikambavana (Ba-ba-lợi Âm-bà-lâm).

16. Tôn giả Sàriputta (Xá-lợi-phất) đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và xuống một bên. Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

.....

17. -Bạch Thế Tôn, cũng vậy con biết truyền thông về chánh pháp. Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, **tất cả vị Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.** Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong tương lai, tất cả Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hiện tại đã diệt trừ Năm Triền Cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.

Tụng phẩm II

26. Vậy nên, này Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác.

Này Ananda, ở đời, vị Tỷ-kheo, **đối với thân quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời; đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời.** Này Ananda, như vậy vị Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì

khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác.

(Hết trích).

Bài kinh trường bộ số 16 , bắt đầu ở Ràjagaha, lúc này có Vua A xà thế, thì không phải ở “giai đoạn từ sau khi thành Đạo đến hết mùa an cư lần 1”.

Điều muốn nói là nội dung trong phần trích này. Đoạn liên quan đến Xá Lợi Phất.

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

Đức Phật Lịch Sử (The Historical Buddha)

H.W. Schumann (1982)

M. O’C. Walshe dịch sang Anh ngữ (1989)

Nguyên Tâm Trần Phương Lan dịch Việt (1997)

Chương VII 485 trước CN Cuộc hồi hương vĩ đại

NHỮNG HÀNH TRÌNH CUỐI CÙNG

Trong lúc trú tại tinh xá Kỳ viên của ông Cấp Cô Độc, **bậc Đạo Sư** hay tin rằng **đại đệ tử Sàriputta của ngài đã mệnh chung vì bệnh ở làng Nàlagàmaka**, không xa Ràjagaha. Chính Sa-di Cunda (ka), bào đệ của tôn giả Sàriputta đem tin đến cùng các di vật của vị Tỳ-kheo quá cố: bình bát, ngoại y và xá lợi của tôn giả được buộc lại trong tám vải dùng làm khăn lọc nước (SN 47. 3. 2. 3; ký hiệu khác là kinh “S.v,161”).

Ngày tôn giả Sàriputta mệnh chung được ghi nhớ là ngày rằm tháng Kattikà (tháng Mười - Mười một), còn **ngày tịch diệt của tôn giả Moggallàna** vào thượng tuần tháng kế tiếp (Jàt 95). Theo đây, cả hai vị đại đệ tử đều tịch diệt năm 486 trước CN.

Những tháng cuối **mùa mưa năm 485** còn thấy đức Phật cao niên ở Ràjagaha, tại đây vị đại thần Vassakàra tìm cơ hội tham vấn ngài về dân Vajji. Chẳng bao lâu sau, ngài rời đi lên miền bắc, được thị giả Ànanda và hội chúng Tỳ-kheo hộ tống. **Câu chuyện trong Dìgha Nikàya (Trường Bộ Kinh số 16. 1)** kể rằng ngài gặp tôn giả Sàriputta gần Nàlandà chắc hẳn đã được đưa vào văn cảnh này **do nhầm lẫn, bởi vì đúng thời điểm ấy, tôn giả Sàriputta đã tịch diệt một năm tròn.**

(Hết trích).

Vấn đề 486 trước CN là năm Xá Lợi Phát và Mục Kiền Liên viên tịch, theo tui chúng ta không cần quan tâm; hay trong các đoạn trích này , **tui không quan tâm chính xác các năm như 486,485 trước CN.**

“Xá Lợi Phát đã tịch diệt **1 năm tròn**” tui cũng không quan tâm. **Vì thời điểm và khoản thời gian có nhiều ý kiến khác nhau.**

Kính cho chúng ta biết **Xá Lợi Phát viên tịch ở Nàla:**

Tương Ưng Bộ - Samyutta Nikaya
Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt

Tập V - Thiên Đại Phẩm

[47] Chương III

Tương Ưng Niệm Xứ (a)

II. Phẩm Nàlanda

13. III. Cunda (Tập 24,39, Đại 2,176b) (S.v,161)

1) **Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Thắng Lâm, khu vườn của ông Cấp Cô Độc.**

2) Lúc bấy giờ, **Tôn giả Sàriputta trú ở Magadha, tại làng Nàla**, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Và Sa-di Cunda là thị giả của Tôn giả Sàriputta.

3) Tôn giả nhập Niết-bàn vì bệnh ấy.

4) **Rồi Sa-di Cunda cầm lấy y bát của Tôn giả Sàriputta đi đến Sàvatthi, Thắng Lâm, tại khu vườn của ông Cấp Cô Độc, đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ananda, rồi ngồi xuống một bên. .. Ngồi một bên, Sa-di Cunda nói với Tôn giả Ananda:**

-- Bạch Thượng tọa, **Tôn giả Sàriputta đã mệnh chung. Đây là y bát của vị ấy.**

5) -- Này Hiền giả Cunda, đây là lý do để đến yết kiến Thế Tôn. Này Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, chúng ta hãy báo tin này cho Thế Tôn.

-- Thừa vâng, Thượng tọa.

Sa-di Cunda vâng đáp Tôn giả Ananda.

6) Rồi Tôn giả Ananda và Sa-di Cunda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, Sa-di Cunda này thưa như sau: "Bạch Thượng tọa, Tôn giả Sàriputta đã mệnh chung. Đây là y và bát của vị ấy". Bạch Thế Tôn, thân con cảm thấy yếu ớt như lau sậy (bàng hoàng) (madhurakajato). Các phương hướng không hiện ra rõ ràng đối với con. Pháp sẽ không được giảng cho con, khi con nghe tin Tôn giả Sàriputta đã mệnh chung.

(Hết trích).

“Trưởng lão tăng kệ” cho chúng ta biết **Xá Lợi Phất viên tịch trước Mục Kiền Liên:**

Tiểu Bộ - Khuddhaka Nikaya

Tập III - Trưởng Lão Tăng Kệ

Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt

Chương XX

Phẩm Sáu Mươi Kệ

(CCLXIII) Mahà-Moggallàna (Thera. 104)

III. Khi được tin Trưởng lão Sàriputta viên tịch:

*1159. Ôi, thật hãi hùng thay!
Ôi! Lông tóc dựng ngược,
Bạc đủ nhiều đức tánh,
Xá-lợi-phất nhập diệt.*

*1160. Các hành là vô thường
Có sanh phải có diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

.....

Như vậy, **Tôn giả Mahà-Moggallàna** nói lên những bài kệ.

(Hết trích).

Kinh tương ưng bộ cho biết **Xá Lợi Phất** và **Mục Kiền Liên** viên tịch trước **Phật Thích Ca** :

Tương Ưng Bộ - Samyutta Nikaya
Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt

Tập V - Thiên Đại Phẩm

[47] Chương III

Tương Ưng Niệm Xứ (a)

II. Phẩm Nàlanda

14. IV. Celam (Tập 24, 40, Đại 2,177a) (S.v,163)

1) **Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Vajjii, tại Ukkacelà, trên bờ sông Hằng**, với đại chúng Tỷ-kheo, sau khi Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Moggalàna mệnh chung không bao lâu.

2) **Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, xung quanh có chúng Tỷ-kheo doanh vây**. Rồi Thế Tôn, sau khi nhìn quanh chúng Tỷ-kheo im lặng, liền nói với các Tỷ-kheo:

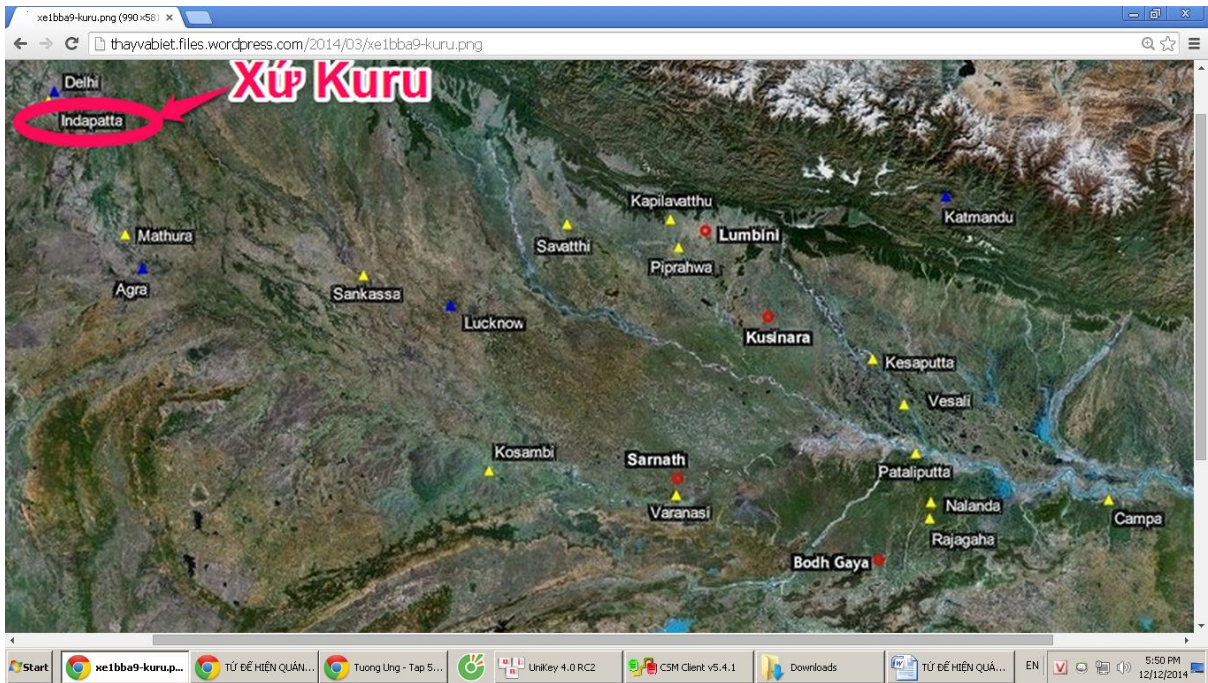
3) -- Nay các Tỷ-kheo, chúng này của Ta được xem hình như trống không. **Nay Sàriputta và Moggalàna đã mệnh chung**, nay các Tỷ-kheo, chúng của Ta thành trống không. Phương hướng nào Sàriputta và Moggalàna trú, phương hướng ấy không còn có ước vọng gì (anapekkhà).

(Hết trích).

Bây giờ, tui xét “Đoạn 16-17” trong “Tụng phẩm I” của trường bộ kinh số 16 có thật không?

Ta đã biết **Xá Lợi Phất** viên tịch ở Magadha khi Phật ở Sàvatthi. “Đoạn 16-17” cho biết Phật gặp **Xá Lợi Phất** tại Nalanda. **Xét toàn bộ kinh trường bộ số 16 về lộ trình qua các nơi**. Nếu “Đoạn 16-17” là đúng , khi đó **Xá Lợi Phất** chưa viên tịch; điều này cho biết Phật phải đi đến Sàvatthi 1 lần nữa và tại đó Phật mới biết tin **Xá Lợi Phất** viên tịch. **Lộ trình của Phật Thích Ca trong trường bộ kinh số 16 , Phật không có đến Sàvatthi lần nào nữa, điều này cho biết “đoạn 16-17” là không có thật!**

Để hiểu thêm , chúng ta xem bản đồ vào thời của Phật Thích Ca :



Đường Xưa Mây Trắng - Tác Giả: HT Thích Nhất Hạnh

Chương 52: Phước điền y

Đây là mùa an cư thứ mười lăm sau ngày thành đạo của Bụt.

Sau mùa an cư ở Kapilavatthu. Bụt trở về miền Nam.

Mùa an cư thứ mười sáu, người cư trú tại Alavi.

Mùa an cư thứ mười bảy, người về tu viện Trúc Lâm.

Mùa an cư thứ mười tám, người ở Koliya.

Mùa an cư thứ mười chín, người lại trở về Rajagaha.

Đây là mùa an cư thứ hai mươi của Bụt sau ngày Người thành đạo.

Chương 53: An trú trong hiện tại

Mùa Xuân năm sau, tại Kammassadhamma **thủ phủ xứ Kuru** thuộc vùng Tây Bắc, **Bụt nói kinh Niệm Xứ (Satipatthanasutta)** cho một thính chúng khát sĩ trên ba trăm người.

(Hết trích).

Chương 52,53 trong “Đường xưa mây trắng” cho biết **bài kinh Niệm xứ** được **Phật** nói sau mùa an cư thứ **20**. Các Bạn kiểm tra lại cho chính xác hơn.

Chi tiết “Xứ Kuru” cho biết “Kinh Niệm xứ” không được Phật nói ở “giai đoạn từ sau khi thành Đạo đến hết mùa an cư lần 1”.

Chúng ta cũng có thể xem kinh Trung bộ , bản tiếng Anh , **có thể** cho biết kinh trung bộ số 10(Kinh Niệm xứ) được Phật nói lúc nào.

Giới thiệu Trung Bộ Kinh

Bình Anson

Cuối năm 1995 vừa qua, tôi lại có duyên may kính thỉnh được ba bộ kinh quý: The Middle Length Discourses, bản dịch tiếng Anh của bộ Majjhima Nikaya; Trung Bộ Kinh, bản dịch Việt ngữ từ tạng Pali; và Trung A Hàm, bản dịch Việt ngữ từ Hán tạng.

Bản Dịch Anh Ngữ

Bản dịch Anh ngữ có tên là *The Middle Length Discourses of the Buddha*.

Từ đó, Tỳ khưu Bodhi, một nhà Phật học nổi tiếng người Mỹ và là Chủ tịch hội Buddhist Publication Society, tiếp tục duyệt và hiệu chỉnh các bản dịch, và **đã hoàn tất công tác này vào năm 1995 với toàn bộ 152 bài kinh**.

Bản Anh ngữ có phần phong phú và chi tiết hơn các bản Việt ngữ..... **Đặc biệt hơn hết là phần chú thích** gồm 200 trang, **ghi chú và giảng giải các chi tiết lịch sử của từng bài kinh**, và cuối cùng là phân từ vựng đối chiếu Pali-Anh, rất hữu ích cho các nhà Phật học.

(Hết trích).

Amazon.com: The Middle Length Discourses of the Buddha: A Translation of the Majjhima Nikaya (Teachings of the Buddha) by Bhikkhu Bodhi (Translator), Bhikkhu Nanamoli (Translator) Hardcover – November 9, 1995

Kindle \$29.99 Hardcover \$35.81

23 Used from \$24.55 26 New from \$29.57

FREE Shipping In Stock. Ships from and sold by Amazon.com. Gift-wrap available.

Bản tiếng Anh này không cho biết Phật nói bài kinh trung bộ số 10, số 30 vào lúc nào.

“Tứ niệm xứ” có kinh:

Tương Ưng Bộ - Samyutta Nikaya
Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt
Tập V - Thiên Đại Phẩm
[47] Chương III
Tương Ưng Niệm Xứ (a)

I. Phẩm Ambapàli

4. IV. Sàlà (Tập 24,29, Đại 2,173c) (S.v,144)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời **Thế Tôn trú giữa dân chúng Kosala, tại một làng Bà-la-môn tên là Sàlà.**

2) Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo... Thế Tôn nói như sau:

3) -- Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, **mới tu, xuất gia chẳng bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này;** những Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, cần phải được khích lệ (samàdapetabbà), cần phải được hướng dẫn, cần phải được an trú, tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

4) "Hãy đến, này các Tỷ-kheo, **hãy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm, để có chánh trí như thật đối với thân.** Hãy trú, quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm **để có chánh trí như thật đối với các thọ.** Hãy trú, quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm, **để có chánh trí như thật đối với tâm.** Hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm, **để có chánh trí như thật đối với các pháp**".

5) Này các Tỷ-kheo, có **những Tỷ-kheo hữu học, tâm chưa thành tựu,** đang sống cần cầu vô thượng an ổn, khỏi các khổ ách. Các vị ấy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm **để liễu tri về thân.** Các vị ấy trú, quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm **để liễu tri về thọ.** Các vị ấy trú, quán tâm trên tâm... **để liễu tri về tâm.** Các vị ấy trú, quán pháp trên pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm **để liễu tri về các pháp.**

6) Này các Tỷ-kheo, **những Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn,** các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí, giải thoát; các vị ấy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm, **ly**

hệ phược đối với thân. Các vị ấy trú, quán thọ trên các thọ... Các vị ấy trú, quán tâm trên tâm... Các vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhứt tâm, **ly hệ phược đối với các pháp.**

7) Nay các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào mới tu, xuất gia chẳng bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này; những vị ấy, **này các Tỷ-kheo, cần phải được khích lệ, cần phải được hướng dẫn, cần phải được an trú, tu tập bốn niệm xứ này.**

(Hết trích).

Bài kinh “S.v,144” nói những “Tỳ kheo mới tu, mới đến trong Pháp và Luật này” nên tu tập “Bốn niệm xứ” **với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhứt tâm.** Cộng bài kinh “**Cat.12**” trong “Kinh Phật thuyết như vậy” cho biết là **“Đoạn trừ 5 triền cái” trước khi tu tập “Bốn niệm xứ”.**

Ngày nay, nếu “khôn khéo” theo tui : “Đoạn trừ 5 triền cái” xong, rồi tu tập “Bốn niệm xứ” sẽ có hiệu quả hơn!

Kết luận :

Đây là nhận thức để hiểu kinh Nikaya.

Theo tui thiền định trong kinh Nikaya là nhận thức thực hành hợp lý nhất (**Xem kinh trung bộ số 30**)!

Hết./.

Nguyễn Trung.

TP.HCM, viết ngày 14-15 tháng 10 năm Giáp Ngọ.

Bổ sung ngày 08-13/12/2014 TL, PL 2558.

Kính chúc Bạn đọc thân tâm an lạc.

Sau cùng người viết kính tri ân tất cả!

Nguyện đem công đức này hồi hướng vãng sanh cõi Cực Lạc. Nguyện đem công đức này, hồi hướng về tất cả, chúng sanh có đệ tử, đều trọn thành Phật đạo.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Nam mô A Mi Đà Phật.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Nam mô A Di Đà Phật.

Hết.

DANH SÁCH 13 BÀI ĐÃ VIẾT THEO THỜI GIAN :

1. “Mối liên quan giữa các pháp môn thiền nói chung và pháp môn trì danh hiệu Phật A Di Đà” gồm 405 trang A4.

2. “Kể chuyện quá trình viết bài “Mối liên quan...” từ 11.07 đến 31.07.2012 TL và lúc khác” gồm 86 trang A4.
 3. “Bài viết rõ thêm 1 phần về kinh Nikaya và kinh A Hàm” gồm 33 trang A4.
 4. “Kể chuyện tại sao phát hành bài “Bài viết rõ thêm ...A Hàm” ” gồm 13 trang A4.
 5. “Lời sám hối” gồm 16 trang A4.
 6. “Độc giác Phật” gồm 21 trang A4.
 7. “Nghiên cứu lại bài kinh trung bộ số 6” gồm 18 trang A 4.
 8. “ “Mật Tông Phật giáo” phần hiển giáo” gồm 59 trang A 4.
 9. “Trình tự hiệu pháp môn niệm danh hiệu Phật A Di Đà” gồm 11 trang A4.
 10. “Bổ sung ở cõi người trong định phi tưởng phi phi tưởng xứ có đoạn diệt hoàn toàn 7 kiết sử ” gồm 14 trang A4.
 11. “Tu lục căn trong kinh Nikaya và các vấn đề liên quan” gồm 60 trang A4.
 12. “Theo kinh Nikaya tu tuệ đơn thuần có chứng quả Tu Đà Hoàn không?” gồm 42 trang A4.
 13. “Tứ đế hiện quán và các vấn đề liên quan” gồm 24 trang A4.
- Hết./.

MỤC LỤC	TRANG
NỘI DUNG CÁC MỤC	
Tứ đế hiện quán trong “Luận câu xá”	01
Tứ đế hiện quán trong kinh Nikaya	02
Nguồn tài liệu tiếng Anh	04
Bàn thêm về Gavampati	05
Kinh Đại niệm xứ, kinh Niệm xứ	06
Kết luận	23
MỤC LỤC	24